

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09/11/2022

V/v: “Không công nhận là vợ
chồng”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Huân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Khuất Thị Minh Hiền.

Ông Hà Thanh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Trường Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 401/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp không công nhận là vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ngô Văn Tr, sinh năm 1969; Địa chỉ: Xóm 4, thôn 3, xã M, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1975; Địa chỉ: Xóm 4, thôn 3, xã M, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

(Ông Tr có mặt, bàH vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn ông Ngô Văn Tr trình bày: Ông Ngô Văn Tr và bà Phạm Thị H tự nguyện xây dựng gia đình với nhau từ năm 1994 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mê Linh, nhưng do thời gian đã lâu nên đã làm thất lạc giấy đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa ông và bàH

đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, do không cải thiện được tình cảm nên vợ chồng đã tự sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay. Nay, ông Tr xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, tình cảm vợ chồng không cải thiện được, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết dứt điểm quan hệ hôn nhân giữa ông với bàH theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Ông và bàH có 03 con chung là Ngô Thị U, sinh ngày 21/9/1995, Ngô Thị D, sinh ngày 22/6/1997 và Ngô Quốc A, sinh ngày 01/9/2008. Hiện nay, con chung là Ngô Thị U, sinh ngày 21/9/1995, Ngô Thị D, sinh ngày 22/6/1997 đã trưởng thành và có gia đình riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung là Ngô Quốc A, sinh ngày 01/9/2008, khi ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Ông không yêu cầu bàH phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống giữa ông và bàH không có tài sản chung và nợ chung nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Tại bản tự khai của bà Phạm Thị H trình bày:* Bà và ông Ngô Văn Tr xây dựng gia đình với nhau từ năm 1994, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng do thời gian đã lâu nên đã làm thất lạc giấy đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc nhưng đến khoảng đầu năm 2009 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và thường hay cãi nhau. Nay ông Tr yêu cầu Tòa án giải quyết dứt điểm quan hệ hôn nhân giữa bà và ông Tr theo quy định của pháp luật thì bà đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông Tr có 03 con chung là Ngô Thị U, sinh ngày 21/9/1995, Ngô Thị D, sinh ngày 22/6/1997 và Ngô Quốc A, sinh ngày 01/9/2008. Đối với con chung là Ngô Thị U, sinh ngày 21/9/1995, Ngô Thị D, sinh ngày 22/6/1997 hiện nay đã đủ tuổi trưởng thành và đã có gia đình riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung là Ngô Quốc A, sinh ngày 01/9/2008 thì bà đồng ý giao con cho ông Ngô Văn Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Bà không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống bà xác định bà và ông Tr không có tài sản chung và nợ chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như trình bày trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp

hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của ông Tr, không công nhận ông Tr và bàH là vợ chồng. Về con chung: Đối với con chung là Ngô Thị U, sinh ngày 21/9/1995, Ngô Thị D, sinh ngày 22/6/1997 hiện nay đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra để xem xét. Đối với con chung là Ngô Quốc A, sinh ngày 01/9/2008 đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của con. Về tài sản chung và nợ chung các đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc ông Tr phải chịu án phí về việc yêu cầu giải quyết không công nhận là vợ chồng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn bà Phạm Thị H vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bàH theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Tr và bàH xây dựng gia đình với nhau vào năm 1994, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Do quá trình chung sống giữa ông, bà phát sinh mâu thuẫn không thể cải thiện được nên ông Tr yêu cầu giải quyết dứt điểm quan hệ hôn nhân với bàH thì bàH đồng ý. Xét thấy, theo ông Tr và bàH cùng cho rằng, giữa ông, bà xây dựng gia đình với nhau thì có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mê Linh, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng nhưng do thời gian đã lâu nên ông, bà đã làm thất lạc giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Khi nộp đơn ly hôn, ông Tr không cung cấp được giấy chứng nhận đăng ký kết hôn với bàH nhưng ông có nộp đơn xác nhận về việc đăng ký kết hôn, tuy nhiên, chính quyền địa phương không khẳng định được việc ông Tr và bàH có đăng ký kết hôn hay không. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đã xác minh về việc đăng ký kết hôn của ông Tr và bàH tại UBND xã Mê Linh thì xác định, hồ sơ đăng ký kết hôn được lưu trữ tại UBND xã Mê Linh giai đoạn năm từ năm 1994 cho đến nay thì UBND xã Mê Linh không khẳng định được ông Tr, bàH có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mê Linh hay không. Do vậy, không có cơ sở xác định ông Tr và bàH có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa ông Tr và bàH xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên bất hòa, cãi nhau. Mặc dù, ông, bà đã cố gắng nhưng không thể cải thiện được tình cảm và đã sống ly thân từ năm 2009 đến nay. Thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu nhưng tình cảm vợ

chồng không ông và bàH đã trầm trọng nên ông yêu cầu giải quyết dứt điểm quan hệ hôn nhân giữa ông với bàH theo quy định của pháp luật. Còn bàH cũng xác định giữa bà và ông Tr không còn tình cảm với nhau nên bà đồng ý. Do quan hệ hôn nhân của ông Tr và bàH được xác lập sau ngày 03/01/1987 nhưng không có đăng ký kết hôn nên căn cứ khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận ông Ngô Văn Tr và bà Phạm Thị H là vợ chồng là phù hợp.

[2] *Về con chung*: Ông Ngô Văn Tr và bà Phạm Thị H có 03 con chung là Ngô Thị U, sinh ngày 21/9/1995, Ngô Thị D, sinh ngày 22/6/1997 và Ngô Quốc A, sinh ngày 01/9/2008. Đối với cháu Ngô Thị U, sinh ngày 21/9/1995, Ngô Thị D, sinh ngày 22/6/1997 hiện nay đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

Đối với cháu Ngô Quốc A hiện nay đã trên 07 tuổi lại có nguyện vọng được sống với ông Tr khi bố mẹ không chung sống với nhau. Hơn nữa, lâu nay cháu Anh vẫn sống cùng ông Tr và các bên cũng thống nhất giao cháu Anh cho ông Tr nuôi dưỡng. Vì vậy, cần xem xét tiếp tục giao con là Ngô Quốc A cho ông Tr có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con là hoàn toàn phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con do ông Tr không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[3]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông Tr và bàH cùng xác định, quá trình chung sống thì ông, bà không có tài sản chung, cũng không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

[4] *Về án phí*: Buộc ông Tr phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đối với yêu cầu giải quyết không công nhận là vợ chồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 15 và khoản 2 Điều 53, Điều 54, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147, Điều 203; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Ngô Văn Tr. Tuyên bố không công nhận ông Ngô Văn Tr và bà Phạm Thị H là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung là Ngô Quốc A, sinh ngày 01/9/2008 cho ông Ngô Văn Tr có trách nhiệm trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Phạm Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Ông Ngô Văn Tr phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc không công nhận là vợ chồng. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Ngô Văn Tr đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0010713 ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Ông Ngô Văn Tr đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/11/2022) nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo; riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Minh Huân

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Khuất Thị Minh Hiền Hà Thanh Tuấn

Trần Minh Huân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Trần Minh Huân